

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 09 tháng 9 năm 2020 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 34/2020/TLST-DS ngày 04 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Đặng Văn Đ, sinh năm 1973 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1973;

- *Bị đơn*: Ông Điều M, sinh năm 1972 và bà Thị G, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ: thôn B, xã B1, huyện B2, tỉnh Bình Phước;

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Nguyên đơn ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị T và bị đơn ông Điều M, bà Thị G thống nhất thoả thuận:

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích đất 1,3ha tọa lạc tại thôn 08 Bù Nga, xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước được ký kết giữa ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị T với ông Điều M, bà Thị G theo “Giấy sang nhượng vườn điều” ngày 04/7/2016.

- Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất diện tích đất 300m² tọa lạc tại thôn Bù La, xã Bù Gia Mập, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước được ký kết giữa ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị T với vợ chồng ông Điều M, bà Thị G theo “Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” ngày 20/6/2019.

2.2. Về số tiền nợ: Tính đến ngày 09/9/2020, vợ chồng ông Điều M, bà Thị G còn nợ ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị T số tiền gốc và tiền lãi suất tổng cộng là 150.000.000 đồng.

2.3. Về nghĩa vụ thanh toán: Ông Điều M và bà Thị G có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Đặng Văn Đ và bà Nguyễn Thị T số tiền gốc và tiền lãi là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 3.750.000 đồng ông Điều M, bà Thị G phải chịu.

Ông Đặng Văn Đ, bà Nguyễn Thị T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 4.000.000 đồng theo biên lai thu số 0019260 ngày 02/6/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Văn Công